



HƯỚNG DẪN NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ

Trình bày: Cục Kiểm soát TTHC, VPCP



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

NỘI DUNG TRÌNH BÀY



ĐÁNH GIÁ THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Đánh giá kết quả thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg



2. Nhận diện, công bố, rà soát, ĐGH TTHC nội bộ



3. Nhiệm vụ cụ thể của bộ, địa phương trong thời gian tới



I. Kết quả thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg

MỤC TIÊU, YÊU CẦU, NHIỆM VỤ TẠI QĐ 1085	KẾT QUẢ THỰC HIỆN CỦA BỘ, CƠ QUAN, ĐỊA PHƯƠNG
1. Về thống kê, công bố, công khai	
Trước ngày 01/4/2023, 100% TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý của các bộ, cơ quan, địa phương được thống kê, công bố (lần đầu) và 100% TTHC nội bộ giữa các cơ quan hành chính nhà nước được công khai trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC.	22/22 bộ, cơ quan ngang bộ; 63/63 địa phương đã công bố danh mục, trong đó cấp bộ là gần 1.500 TTHC nội bộ; địa phương là hơn 3.300 TTHC nội bộ (cộng dồn).
2. Về rà soát, phê duyệt, thực thi phương án cắt giảm, ĐGH	
a) 59 nhóm TTHC trọng tâm ưu tiên: Trước ngày 01/10/2023, 06 bộ (TC, KHĐT, CT, NV, TNMT, GTVT) chủ trì rà soát, trình TTgCP phê duyệt phương án cắt giảm, ĐGH TTHC nội bộ.	<ul style="list-style-type: none">- Phương án ĐGH TTHC nội bộ lĩnh vực Quản lý tài sản công của BTC đang được trình TTgCP;- BGTVT trình đúng hạn, PTTg chỉ đạo chuyển 11/12 TTHC lĩnh vực giao thông đường bộ sang BTC chủ trì rà soát;- BNV chủ động thực thi 1 số TTHC lĩnh vực TĐKT tại Nghị định quy định chi tiết Luật TĐKT và đã có VB gửi VPCP về kết quả rà soát các nhóm còn lại.- BCT đã có báo cáo PTTg về việc rà soát TTHC lĩnh vực Quản lý điện năng.- BTNMT và BKHĐT chưa trình; VPCP chưa có thông tin về kết quả rà soát.
b) Các TTHC ngoài danh mục trọng tâm ưu tiên: Trước ngày 01/01/2024, các bộ, cơ quan, địa phương hoàn thành rà soát 50% tổng số TTHC trong danh mục, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án ĐGH, với tỷ lệ cắt giảm ít nhất 50% TTHC và ít nhất 50% chi phí tuân thủ TTHC.	<ul style="list-style-type: none">- Các bộ: Đã ĐGH 43 TTHC nhóm A, 20 TTHC nhóm B; còn 01 PA ĐGH TTHC nhóm A, 04 PA ĐGH TTHC nhóm B đã phê duyệt chưa thực thi.- Địa phương: Đã ĐGH 134 TTHC nội bộ, còn 663 TTHC nội bộ đã phê duyệt PA ĐGH nhưng chưa thực thi.



HƯỚNG DẪN

NHẬN ĐIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

I. Kết quả thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg

TT	Tên bộ, CQ ngang bộ	S.lượng QĐCB	Nhóm A	Nhóm B	Tổng số TTHC
1	Bộ Công an	1	19	173	192
2	Bộ Công thương	1	34	23	57
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	1	3	3	6
3	Bộ Giao thông vận tải	1	22	33	55
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	1	84	11	95
6	Bộ Khoa học và CN	1	13	12	25
7	Bộ Lao động, TBXH	1	0	10	10
8	Bộ Ngoại giao	1	8	6	14
9	Bộ Nội vụ	1	14	0	14
10	Bộ Nông nghiệp và PTNT	2	91	67	158
11	Bộ Quốc phòng	3	77	92	169
12	Bộ Tài chính	1	87	24	111

TT	Tên bộ, CQ ngang bộ	S.lượng QĐCB	Nhóm A	Nhóm B	Tổng số TTHC
13	Bộ Tài nguyên và MT	3	24	0	24
14	Bộ Thông tin và TT	1	56	51	107
15	Bộ Tư pháp	1	23	12	35
16	Bộ Văn hóa, Thể thao DL	1	19	0	19
17	Bộ Xây dựng	1	17	5	22
18	Bộ Y tế	1	10	58	68
19	Ngân hàng Nhà nước VN	1	0	77	77
20	Thanh tra Chính phủ	2	11	46	57
21	Ủy ban dân tộc	1	8	2	10
22	Văn phòng Chính phủ	2	25	114	139
	Tổng số:	29	645	819	1.464



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

TT	Tên địa phương	S.lượng QĐCB	Tổng số TTHC
1	An Giang	4	52
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	6	18
3	Bắc Giang	3	103
4	Bắc Kạn	2	89
5	Bạc Liêu	6	24
6	Bắc Ninh	9	55
7	Bến Tre	8	4
8	Bình Định	2	55
9	Bình Dương	22	161
10	Bình Phước	18	150
11	Bình Thuận	1	40
12	Cà Mau	4	52
13	Cao Bằng	2	30
14	Cần Thơ	9	25
15	Đà Nẵng	1	53
16	Đắk Lắk	1	55
17	Đắk Nông	4	36
18	Điện Biên	1	27
19	Đồng Nai	3	84
20	Đồng Tháp	12	47
21	Gia Lai	2	25

TT	Tên địa phương	S.lượng QĐCB	Tổng số TTHC
22	Hà Giang	6	84
23	Hà Nam	2	18
24	Hà Nội	17	98
25	Hà Tĩnh	21	109
26	Hải Dương	2	27
27	Hải Phòng	1	43
28	Hậu Giang	1	54
29	Hòa Bình	4	61
30	Hưng Yên	5	15
31	Khánh Hòa	5	8
32	Kiên Giang	7	77
33	Kon Tum	3	30
34	Lai Châu	3	64
35	Lâm Đồng	1	23
36	Lạng Sơn	2	30
37	Lào Cai	6	51
38	Long An	1	13
39	Nam Định	3	22
40	Nghệ An	1	60
41	Ninh Bình	10	40
42	Ninh Thuận	8	256
43	Phú Thọ	7	16

TT	Tên địa phương	S.lượng QĐCB	Tổng số TTHC
44	Phú Yên	14	43
45	Quảng Bình	23	138
46	Quảng Nam	2	30
47	Quảng Ngãi	3	27
48	Quảng Ninh	3	59
49	Quảng Trị	1	47
50	Sóc Trăng	18	88
51	Sơn La	1	24
52	Tây Ninh	3	71
53	Thái Bình	1	8
54	Thái Nguyên	1	41
55	Thanh Hóa	2	21
56	TP. Hồ Chí Minh	3	19
57	Thừa Thiên - Huế	5	41
58	Tiền Giang	1	8
59	Trà Vinh	2	143
60	Tuyên Quang	1	23
61	Vĩnh Long	12	36
62	Vĩnh Phúc	1	4
63	Yên Bái	1	50
Tổng số		334 QĐCB	3.305 TTHC



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

TT	Tên bộ, cơ quan ngang bộ	S.lượng TTHC đã trình/được phê duyệt PA ĐGH nhưng chưa thực thi		S.lượng TTHC đã thực thi PA ĐGH		VB trình/phê duyệt/thực thi PA ĐGH
		Nhóm A	Nhóm B	Nhóm A	Nhóm B	
1	Bộ Công an	0	0	0	0	-
2	Bộ Công thương	0	0	0	0	-
4	Bộ Giáo dục và Đào tạo	0	0	3	0	Thông tư số 29/2023/TT-BGDĐT ngày 29/12/2023 của Bộ trưởng Bộ GDĐT quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thi đua, khen thưởng đối với ngành Giáo dục.
3	Bộ Giao thông vận tải	0	4	0	1	- Quyết định số 1736/QĐ-BGTVT ngày 27/12/2023). - Thông tư số 29/2023/TT-BGTVT ngày 29/9/2023 ban hành quy định về đường ngang và cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi đất dành cho đường sắt.
5	Bộ Kế hoạch và Đầu tư	0	0	0	0	
6	Bộ Khoa học và CN	0	0	0	0	
7	Bộ Lao động, TBXH	0	0	0	0	
8	Bộ Ngoại giao	0	0	0	3	
9	Bộ Nội vụ	0	0	40	0	
10	Bộ Nông nghiệp và PTNT	0	0	0	0	
11	Bộ Quốc phòng	0	0	0	0	
12	Bộ Tài chính	0	0	0	0	

TT	Tên bộ, cơ quan ngang bộ	S.lượng TTHC đã trình/được phê duyệt PA ĐGH nhưng chưa thực thi		S.lượng TTHC đã thực thi PA ĐGH		VB trình/phê duyệt/thực thi PA ĐGH
		Nhóm A	Nhóm B	Nhóm A	Nhóm B	
13	Bộ Tài nguyên và Môi trường	0	0	0	0	
14	Bộ Thông tin và Truyền thông	0	0	0	0	
15	Bộ Tư pháp	1	0	0	0	
16	Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch	0	0	0	5	
17	Bộ Xây dựng	0	0	0	0	
18	Bộ Y tế	0	0	0	0	
19	Ngân hàng Nhà nước VN	0	0	0	6	Quyết định 2514/QĐ-NHNN ngày 29/12/2023 về việc ban hành Quy định về quản lý tài chính, tài sản của các đơn vị NHNN trên địa bàn thành phố Hà Nội, thành phố Hồ Chí Minh
20	Thanh tra Chính phủ	0	0	0	0	
21	Ủy ban dân tộc	0	0	0	0	
22	Văn phòng Chính phủ	0	0	0	5	Quyết định số 699/QĐ-VPCP ban hành Quy chế làm việc của Văn phòng Chính phủ
Tổng số:		1	4	43	20	



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

TT	Tên địa phương	SL TTHC đã phê duyệt PA ĐGH chưa thực thi	S.lượng TTHC đã thực thi PA ĐGH	VB phê duyệt/Thực thi PA ĐGH	TT	Tên địa phương	SL TTHC đã phê duyệt PA ĐGH chưa thực thi	S.lượng TTHC đã thực thi PA ĐGH	VB phê duyệt/Thực thi PA ĐGH	TT	Tên địa phương	SL TTHC đã phê duyệt PA ĐGH chưa thực thi	S.lượng TTHC đã thực thi PA ĐGH	VB phê duyệt/Thực thi PA ĐGH	
1	An Giang	8	0		22	Hà Giang	42	0		42	Ninh Thuận	55	0		
2	Bà Rịa - Vũng Tàu	0	0		23	Hà Nam	0	8		43	Phú Thọ	1	1		
3	Bắc Giang	18	0		24	Hà Nội	3	0		44	Phú Yên	7	1		
4	Bắc Kạn	18	0		25	Hà Tĩnh	0	0		45	Quảng Bình	41	0		
5	Bạc Liêu	3	0		26	Hải Dương	0	0		46	Quảng Nam	7	0		
6	Bắc Ninh	44	0		27	Hải Phòng	0	0		47	Quảng Ngãi	4	0		
7	Bến Tre	4	0		28	Hậu Giang	0	24		48	Quảng Ninh	0	0		
8	Bình Định	7	9		29	Hòa Bình	13	0		49	Quảng Trị	0	10		
9	Bình Dương	0	0		30	Hưng Yên	0	0		50	Sóc Trăng	20	0		
10	Bình Phước	28	0		31	Khánh Hòa	2	0		51	Sơn La	0	0		
11	Bình Thuận	0	0		32	Kiên Giang	0	0		52	Tây Ninh	25	0		
12	Cà Mau	20	4		33	Kon Tum	1	5	Các QĐ số: 440/QĐ-UBND ngày 18/9/2023; 35/QĐ-UBND ngày 23/01/2024; 78/QĐ-UBND ngày 06/02/2024	53	Thái Bình	0	0		
13	Cao Bằng	3	0							54	Thái Nguyên	38	0		
14	Cần Thơ	15	0							55	Thanh Hóa	0	11		
15	Đà Nẵng	5	0	QĐ số 2547/QĐ-UBND ngày 20/11/2023	34	Lai Châu	0	0		56	TP. Hồ Chí Minh	0	0		
					35	Lâm Đồng	8	0		57	Thừa Thiên - Huế	25	0		
16	Đắk Lắk	0	24		36	Lạng Sơn	20	0		58	Tiền Giang	2	0		
17	Đắk Nông	0	11		37	Lào Cai	43	2		59	Trà Vinh	0	0		
18	Điện Biên	26	1		38	Long An	7	0		60	Tuyên Quang	15	0		
19	Đồng Nai	64	0		39	Nam Định	0	16		61	Vĩnh Long	0	0		
20	Đồng Tháp	0	0		40	Nghệ An	11	0		62	Vĩnh Phúc	0	0		
21	Gia Lai	0	0		41	Ninh Bình	0	7		63	Yên Bái	10	0		
											Tổng số		663	134	



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

I. Kết quả thực hiện Quyết định số 1085/QĐ-TTg MỘT SỐ ĐÁNH GIÁ

1

Còn một số bộ, cơ quan, địa phương nhận diện chưa đúng, công bố chưa đầy đủ TTHC nội bộ thuộc phạm vi quản lý theo yêu cầu của TTgCP và hướng dẫn của VPCP.

- TTHC nội bộ giữa các CQHCCNN: Còn nhiều bộ công bố thiếu (không coi là TTHC nội bộ, hoặc xác định là TTHC nội bộ thuộc phạm vi của bộ, cơ quan khác).
- Các bộ, địa phương công bố thiếu nhiều TTHC thực hiện trong từng bộ, địa phương.

Hiện tại, có ĐP có số lượng TTHC nội bộ công bố rất ít (dưới 10 TTHC).



2

Tiến độ rà soát đối với các nhóm TTHC nội bộ trọng tâm ưu tiên của một số bộ (CT, TNMT, KHĐT) chưa đáp ứng yêu cầu; chất lượng rà soát chưa đạt mục tiêu đề ra tại QĐ 1085.

Kết quả rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ nói chung (ngoài nhóm trọng tâm ưu tiên) còn hạn chế.



3

3. Một số bộ, CQNB, địa phương chưa chủ động trong rà soát, nhận diện, công bố danh mục, đề xuất PA ĐGH TTHC nội bộ; nhiều bộ, CQNB, địa phương chưa nắm rõ cách thức rà soát, vai trò, trách nhiệm của đơn vị KSTTHC và đơn vị chuyên môn trong quá trình rà soát nên kết quả còn khiêm tốn.





II.1. Nhận diện TTHC nội bộ

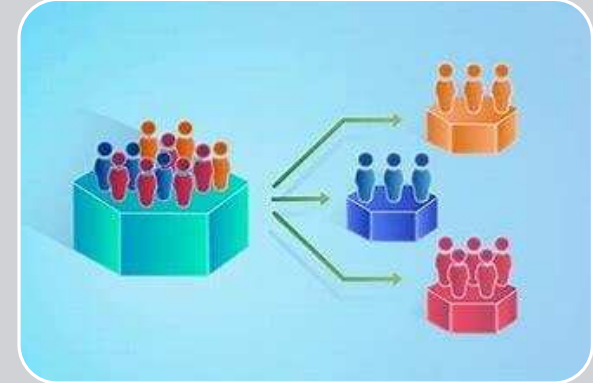


1. Trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và YCĐK do CQNN, người có thẩm quyền quy định để thực hiện chức năng, nhiệm vụ CQNN, đơn vị thuộc CQNN được giao cũng là TTHC nội bộ; như các TTHC về phê duyệt quy hoạch, chiến lược, kế hoạch, xuất phát từ chính CQNN đó.



2. Nhiều TTHC nội bộ hình thành tại bộ, CQ, ĐP để thực hiện một số bước, một số khâu thuộc trách nhiệm của bộ, CQ, ĐP trong: (i) thực hiện TTHC nội bộ giữa các CQHCCNN (nhóm A); (ii) hoặc trong thực hiện TTHC cho người dân, DN.

Việc xác định TTHC nội bộ trong trường hợp (i) là bắt buộc; trong trường hợp (ii) bộ, CQ, ĐP có thể tách riêng thành TTHC nội bộ hoặc coi đây là quy trình nội bộ trong giải quyết TTHC và thực hiện theo quy định về kiểm soát TTHC.



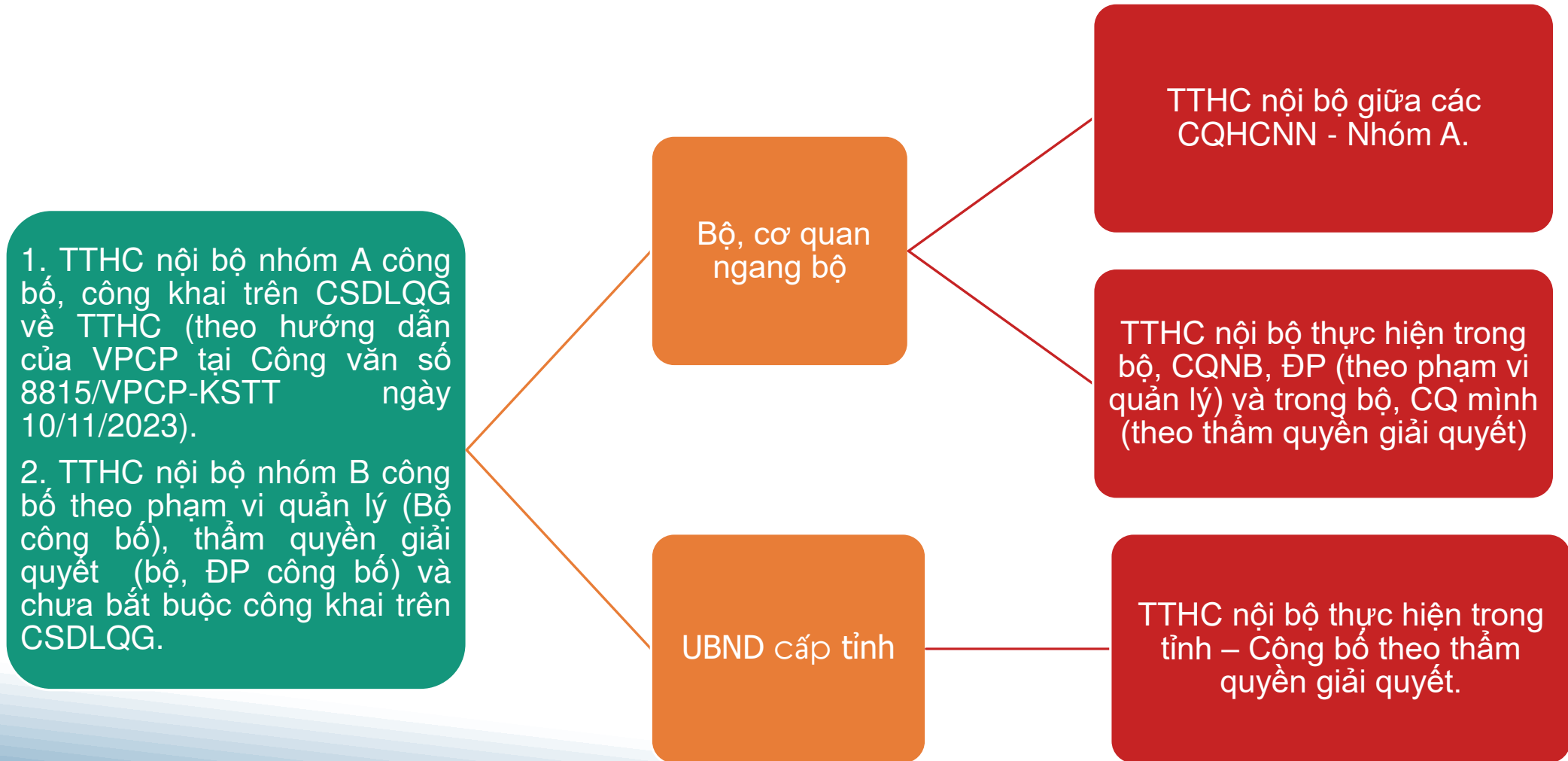
3. TTHC nội bộ trong 01 bộ, CQ, ĐP (Nhóm B) phân chia thành: (1) TTHC quy định đầy đủ tại các văn bản thuộc thẩm quyền của cơ quan Trung ương theo chức năng QLNN (Nhóm B1); (2) TTHC quy định chưa đầy đủ tại các văn bản thuộc thẩm quyền của cơ quan Trung ương theo chức năng QLNN, đồng thời giao bộ, CQ, ĐP quy định đầy đủ, chi tiết để thực hiện (3) TTHC quy định tại các văn bản thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan, địa phương (Nhóm B3).



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

II.2. Công bố, công khai

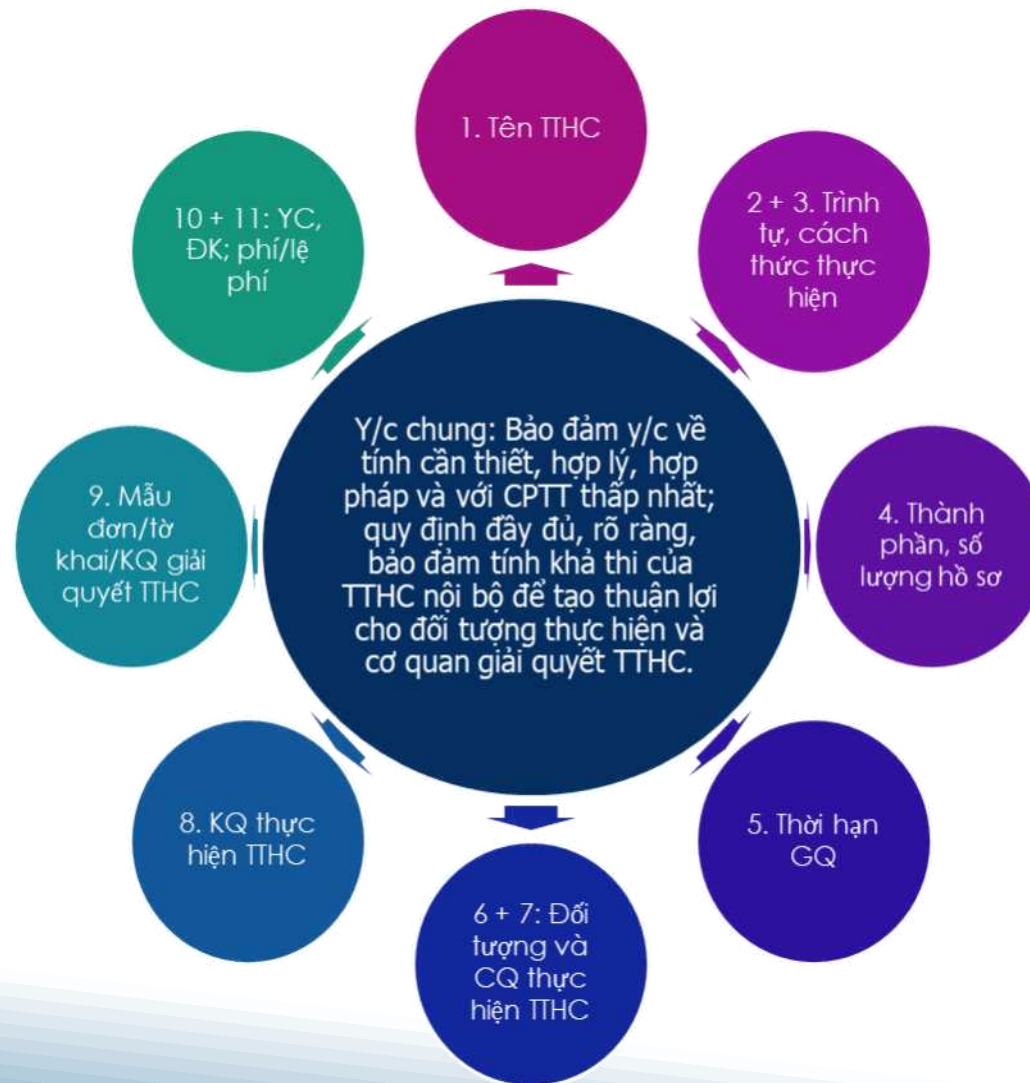




HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

II.3. Rà soát, ĐGH TTHC NB





HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

II.3. Rà soát, ĐGH TTHC NB

Tên TTHC:

Tên TTHC phải được quy định rõ ràng, cụ thể, ngắn gọn; chính xác và thống nhất trong tất cả các văn bản có quy định về TTHC đó. *(Tên TTHC gồm: Từ hoặc cụm từ chỉ hành động của cơ quan nhà nước kết hợp với tên kết quả của TTHC và kết hợp đối với từng đối tượng, lĩnh vực cụ thể (nếu có) hoặc kết hợp với cụm từ chỉ sự vật, sự việc mà cơ quan nhà nước muốn quản lý hoặc đối tượng thực hiện TTHC mong muốn đạt được).*

Trình tự thực hiện:

Trình tự thực hiện TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể các bước thực hiện; phân định rõ trách nhiệm và nội dung công việc của các cơ quan, tổ chức, cá nhân cán bộ, công chức, viên chức khi tham gia thực hiện. Đồng thời, các bước thực hiện phải được sắp xếp theo thứ tự phù hợp về thời gian, quy trình và cấp có thẩm quyền xử lý; áp dụng tối đa cơ chế liên thông.

Cách thức thực hiện:

Cách thức thực hiện TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể; phù hợp điều kiện của cơ quan giải quyết TTHC và tạo điều kiện thuận lợi tối đa cho đối tượng thực hiện với chi phí thấp nhất.



II.3. Rà soát, ĐGH TTHC NB

Hồ sơ:

Hồ sơ để giải quyết TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể về tên, quy cách, số lượng của từng thành phần hồ sơ, số lượng bộ hồ sơ. Thành phần hồ sơ, số lượng từng thành phần hồ sơ phải thực sự cần thiết cho việc giải quyết TTHC, đáp ứng tiêu chuẩn, điều kiện được pháp luật quy định, bảo đảm mục tiêu quản lý nhà nước; thành phần hồ sơ không trùng với thành phần hồ sơ của một TTHC khác có kết quả là thành phần hồ sơ của TTHC dự kiến quy định/rà soát hoặc thành phần hồ sơ là kết quả do chính cơ quan giải quyết TTHC đang quản lý; quy cách của thành phần hồ sơ đa dạng, dễ thực hiện để tạo thuận lợi cho đối tượng thực hiện.

Thời hạn giải quyết:

Thời hạn giải quyết TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể (thời hạn của từng khâu: lấy ý kiến, thẩm định, kiểm tra, đánh giá...), đồng thời quy định rõ thời hạn tính từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ theo quy định đến ngày trả kết quả (bao trùm cả các thời hạn lấy ý kiến, thẩm định, kiểm tra, đánh giá...); bảo đảm tiết kiệm thời gian cho đối tượng thực hiện, phù hợp với khả năng của cơ quan giải quyết TTHC.

Đối tượng thực hiện:

Đối tượng thực hiện TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể; bảo đảm có số lượng đối tượng tuân thủ được hưởng lợi nhiều nhất.



II.3. Rà soát, ĐGH TTHC NB

Cơ quan thực hiện TTHC

Cơ quan thực hiện TTHC được quy định phù hợp với thẩm quyền quản lý nhà nước đối với cấp hành chính hoặc địa giới hành chính theo quy định của pháp luật; thuận tiện cho đối tượng thực hiện trong việc liên hệ với cơ quan có thẩm quyền giải quyết; bảo đảm áp dụng tối đa các giải pháp phân cấp hoặc ủy quyền cho cơ quan hành chính cấp dưới hoặc địa phương giải quyết TTHC.

Kết quả thực hiện TTHC

Kết quả giải quyết TTHC cần được mẫu hóa để tạo thuận lợi cho cơ quan giải quyết TTHC. Hình thức, thời hạn có hiệu lực và điều kiện có hiệu lực (nếu có) của kết quả của TTHC được quy định rõ ràng, thuận tiện, phù hợp với yêu cầu quản lý nhà nước, với quyền, nghĩa vụ, lợi ích hợp pháp của đối tượng thực hiện và tình hình thực tiễn.

Mẫu đơn, mẫu văn bản đề nghị,

Trường hợp TTHC yêu cầu có đơn, VB đề nghị..., phải quy định đầy đủ những nội dung cần có trong đơn, VB đề nghị. Từng nội dung thông tin tại mẫu đơn, VB đề nghị... phải rõ ràng, ngắn gọn, thực sự cần thiết cho việc giải quyết TTHC, tăng tính chịu trách nhiệm của đối tượng thực hiện đối với những nội dung tại đơn, VB đề nghị.

Trong trường hợp đơn, VB đề nghị... cần phải có xác nhận của cơ quan, người có thẩm quyền thì quy định rõ cơ quan, người có thẩm quyền xác nhận và nội dung xác nhận.



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

II.3. Rà soát, ĐGH TTHC NB

Yêu cầu, điều kiện

YCDK của TTHC được quy định rõ ràng, cụ thể, cần thiết đối với yêu cầu quản lý nhà nước, phù hợp với khả năng đáp ứng đối tượng thực hiện; phân định rõ trách nhiệm chứng minh YCDK; không quy định YCDK trùng với yêu cầu, điều kiện của một TTHC khác có kết quả là thành phần hồ sơ của TTHC dự kiến đơn giản hóa. Lưu ý các tiêu chí làm căn cứ để cơ quan, người có thẩm quyền xem xét, giải quyết TTHC cũng là một dạng yêu cầu, điều kiện trong TTHC nội bộ.

Phí, lệ phí:

TTHC nội bộ cơ bản không có phí, lệ phí.



II.4. TÍNH TOÁN CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC NỘI BỘ

1. Theo nguyên lý tương tự như tính toán chi phí tuân thủ TTHC theo Nghị định 63/2010/NĐ-CP. Tuy nhiên, việc tính toán chi phí tuân thủ đơn giản hơn.

2. Chi phí thực hiện TTHC nội bộ bao gồm: Chi phí về thời gian thực tế mà đối tượng thực hiện TTHC, các cơ quan, đơn vị tham gia vào quá trình giải quyết TTHC nội bộ phải sử dụng để thực hiện TTHC (*lưu ý: không bao gồm thời gian gián đoạn đối tượng thực hiện chờ cơ quan có thẩm quyền giải quyết TTHC, thời gian gián đoạn cơ quan giải quyết TTHC chờ đối tượng thực hiện TTHC bổ sung hồ sơ, tài liệu*) và chi phí cho việc chuẩn bị hồ sơ TTHC (in ấn, phô tô giấy tờ, tài liệu; công chứng, chứng thực giấy tờ, tài liệu,...).

3. Tương ứng với thời gian thực hiện TTHC, số chi phí được tính toán căn cứ vào thu nhập bình quân của người lao động (theo công bố của BKHĐT, đến tháng 9/2023 là khoảng 7 triệu đồng 1 tháng, thu nhập của CBCS trong 1 giờ là khoảng 40.000 đồng).



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

II.4. TÍNH TOÁN CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC NỘI BỘ (VD Chi phí về thời gian thực hiện TTHC)

Ví dụ: Khoản 1, 2 Điều 10 Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 quy định thủ tục lập kế hoạch biên chế công chức hàng năm của tỉnh: (1) Các cơ quan, tổ chức thuộc địa phương xây dựng kế hoạch biên chế công chức hằng năm của cơ quan, tổ chức mình, gửi cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về TCCB của địa phương. (2). Cơ quan, tổ chức được giao nhiệm vụ về TCCB của địa phương tiếp nhận hồ sơ, thẩm định kế hoạch biên chế công chức hằng năm của các cơ quan, tổ chức; tổng hợp, lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm của địa phương để địa phương gửi Bộ Nội vụ thẩm định, chậm nhất vào ngày 15 tháng 6 hằng năm.
Giả sử tỉnh A chưa quy định cụ thể thêm việc thực hiện TTHC này, thì thời gian thực hiện như sau:

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTH
1	Tìm hiểu thông tin/ đưa ra yêu cầu thực hiện TTHC	1.1. SNV chủ động nghiên cứu tham mưu triển khai/ hoặc sau khi nhận được VB đề nghị của BNV: trình lãnh đạo tỉnh, làm VB gửi các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn.	-	- SNV: 02 giờ; - LĐ tỉnh: ½ giờ.
		1.2. Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện tìm hiểu thông tin, yêu cầu, đọc các biểu mẫu tại các VB liên quan.	10 sở, ngành + 10 UBND huyện x 2 giờ/1đv = 20 giờ	-
		1.3. Trao đổi lại với SNV nếu có thông tin chưa rõ.	-	-
2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện tự làm văn bản đề nghị; tự lập kế hoạch theo mẫu hướng dẫn của BNV cho cấp tỉnh.	10 sở, ngành + 10 UBND huyện x 2 giờ/1đv = 40 giờ	
3	Thẩm định hồ sơ, tổng hợp kết quả, duyệt.	SNV thẩm định, tổng hợp kết quả, lập KH biên chế của tỉnh trình LĐ tỉnh (VB đề nghị tự làm; bản kế hoạch lập theo mẫu. ...).	-	- SNV: 20 giờ; - LĐ tỉnh: 02 giờ.
			Tổng: 84,5 giờ (60 giờ + 24,5 giờ).	



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

II.4. TÍNH TOÁN CHI PHÍ TUẦN THỦ TTHC NỘI BỘ (VD Chi phí về thời gian thực hiện TTHC)

Phương án ĐGH:

1. Về trình tự thực hiện và thời hạn giải quyết: Quy định cụ thể/ ấn định thời hạn các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện gửi SNV; thời hạn thẩm định kế hoạch biên chế công chức hằng năm của các cơ quan, tổ chức; tổng hợp, lập kế hoạch biên chế công chức hằng năm của tỉnh, trình LĐ tỉnh; thời hạn LĐ tỉnh duyệt, gửi Bộ Nội vụ thẩm định.

Lưu ý phải bảo đảm 02 yêu cầu: (1) Bảo đảm Kế hoạch được gửi BNV chậm nhất vào ngày 15/6 hằng năm; (2) Phù hợp với số lượng CBCC và căn cứ vào thời gian thực tế cần thực hiện TTHC này ở bước tính toán CPTT TTHC hiện tại, để bảo đảm hoàn thành nhiệm vụ.

2. Hồ sơ: Mẫu hóa văn bản đề nghị của sở, ngành thuộc tỉnh và UBND cấp huyện gửi tỉnh (SNV), văn bản đề nghị của tỉnh gửi BNV, mẫu hóa/hướng dẫn rõ hơn các thành phần hồ sơ khác của KH (như: *Sự cần thiết của việc lập kế hoạch biên chế công chức hàng năm; Giải pháp thực hiện kế hoạch biên chế công chức sau khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc phê duyệt, dự kiến nguồn công chức bổ sung, thay thế, thực hiện chính sách tinh giản biên chế và dự toán kinh phí để thực hiện...*).

Giả sử PA ĐGH của tỉnh A như trên, thì thời gian thực hiện như sau:

STT	Các bước thực hiện TTHC	Các công việc cụ thể cần làm	Thời gian thực hiện	
			Đối tượng thực hiện TTHC	Cơ quan thực hiện TTH
1	Tìm hiểu thông tin TTHC	1.1. SNV không cần tham mưu VB gửi các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện trên địa bàn.	-	-
		1.2. Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện chỉ cần đọc thông tin về TTHC tại VB do UBND tỉnh công bố.	10 sở, ngành + 10 UBND huyện x 1/2 giờ/1đv = 10 giờ	-
		1.3. Trao đổi lại với SNV nếu có thông tin chưa rõ.	-	-
2	Chuẩn bị hồ sơ TTHC	Các sở, ngành tỉnh, UBND cấp huyện làm văn bản đề nghị theo mẫu của UBND tỉnh hướng dẫn.	10 sở, ngành + 10 UBND huyện x 1,5 giờ/1đv = 30 giờ	
3	Thẩm định hồ sơ, tổng hợp kết quả, duyệt.	SNV thẩm định, tổng hợp kết quả, lập KH biên chế của tỉnh trình LĐ tỉnh (VB đề nghị tự làm; bản kế hoạch lập theo mẫu. ...).	-	- SNV: 18 giờ; - LĐ tỉnh: 02 giờ.
			Tổng: 60 giờ (40 giờ + 20 giờ).	



II.5. MỘT SỐ LƯU Ý TRONG RÀ SOÁT, TÍNH TOÁN CHI PHÍ TUÂN THỦ TTHC NỘI BỘ

1. Về tỷ lệ cắt giảm TTHC nội bộ và chi phí thực hiện TTHC nội bộ

- Tỷ lệ cắt giảm TTHC nội bộ là tỉ lệ (%) được tính bằng tổng số TTHC nội bộ được bãi bỏ, sđbs trên tổng số TTHC nội bộ được công bố thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của bộ, CQ, ĐP.

Ví dụ: Bộ A công bố tổng số 100 TTHC nội bộ; sau khi rà soát, trình cấp có thẩm quyền phê duyệt phương án, trong đó bãi bỏ 10 TTHC nội bộ, sđbs 20 TTHC nội bộ, thì tỷ lệ (%) cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ của Bộ A là: $30/100 \times 100\% = 30\%$.

- Tỷ lệ cắt giảm chi phí thực hiện TTHC nội bộ là tỉ lệ (%) được tính bằng tổng số chi phí thực hiện TTHC nội bộ sau khi cắt giảm, ĐGH trên tổng số chi phí thực hiện TTHC nội bộ (được công bố) thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết của bộ, CQ, ĐP trước khi cắt giảm, ĐGH. *(Lưu ý là mẫu số bao gồm cả chi phí tuân thủ TTHC nội bộ giữ nguyên sau khi rà soát).*

2. Trách nhiệm rà soát, đề xuất phương án đơn giản hóa

- Bộ, CQ, ĐP chủ trì rà soát, đề xuất phương án ĐGH đối với TTHC nội bộ quy định tại các văn bản do bộ, CQ, ĐP trình cơ quan, người có thẩm quyền ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền.

- Bộ, CQ, ĐP chủ động rà soát, đề xuất phương án ĐGH đối với TTHC nội bộ thuộc phạm vi giải quyết; đối với phương án đề xuất thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực (nếu có), gửi các bộ, cơ quan quản lý ngành, lĩnh vực để nghiên cứu, tổng hợp, hoàn thiện phương án.



II.6. TRÌNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ

1. Thẩm quyền phê duyệt

- TTHC nội bộ nhóm A, B1, B2 (trừ nội dung giao bộ, CQ, ĐP quy định chi tiết): Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.
- TTHC nội bộ nhóm B2 (đối với nội dung giao bộ, CQ, ĐP quy định chi tiết), B3: Bộ trưởng, thủ trưởng CQNB, Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt.

2. Hồ sơ trình TTgCP

- Tờ trình trình TTgCP, gồm các thông tin: Số lượng TTHC được rà soát/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ, CQ; số lượng TTHC đề xuất cắt giảm /tổng số TTHC được rà soát; tỷ lệ cắt giảm TTHC/tổng số TTHC được rà soát; tỷ lệ cắt giảm TTHC/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý; tỷ lệ cắt giảm chi phí thực hiện TTHC/tổng số TTHC được rà soát; tỷ lệ cắt giảm chi phí thực hiện TTHC/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý; kèm theo Bản tổng hợp kết quả cắt giảm chi phí thực hiện TTHC nội bộ.
- Dự thảo Quyết định và PA ĐGH kèm theo. PA ĐGH phải đáp ứng các yêu cầu cụ thể tại mục II.3.
- Báo cáo kết quả rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, ĐGH TTHC nội bộ.
- Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình kiến của bộ, CQ, ĐP, các tổ chức, đơn vị liên quan.

3. Hồ sơ trình Bộ trưởng, Thủ trưởng CQNB, Chủ tịch UBND cấp tỉnh

VP bộ, CQNB, VP UBND tỉnh hướng dẫn hồ sơ trình phê duyệt phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ tại bộ, ĐP mình.



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

II.6. TRÌNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ

MẪU BÁO CÁO KẾT QUẢ RÀ SOÁT, ĐỀ XUẤT PHƯƠNG ÁN CẮT GIẢM, ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ

BỘ/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: /BC-..... , ngày, tháng, năm

BÁO CÁO
Kết quả rà soát, đề xuất phương án cắt giảm, đơn giản hóa TTHC nội bộ

I. TÌNH HÌNH, KẾT QUẢ RÀ SOÁT TTHC NỘI BỘ

- Số lượng TTHC đã rà soát/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết.
- Kết quả rà soát:
 - Số lượng TTHC đề nghị bãi bỏ/ tổng số TTHC đã rà soát; số lượng TTHC đề nghị sửa đổi, bổ sung/ tổng số TTHC đã rà soát. Số lượng văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung để thực hiện phương án cắt giảm, đơn giản hóa: văn bản (nếu cụ thể số lượng từng loại văn bản). (Phương án cắt giảm, đơn giản hóa tại Phụ lục I kèm theo)
 - Số lượng TTHC đề nghị giữ nguyên/ tổng số TTHC đã rà soát (Danh mục TTHC đề nghị giữ nguyên tại Phụ lục II kèm theo).

II. TỶ LỆ CẮT GIẢM, ĐGH TTHC VÀ CHI PHÍ THỰC HIỆN TTHC NỘI BỘ

- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC/ tổng số TTHC đã rà soát; Số lượng TTHC đề nghị bãi bỏ, sửa đổi bổ sung/tổng số TTHC đã rà soát; đơn vị tính: %.
- Tỷ lệ cắt giảm, đơn giản hóa TTHC/ tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết; Số lượng TTHC đề nghị bãi bỏ, sửa đổi bổ sung/tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết; đơn vị tính: %.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí thực hiện TTHC/ tổng số TTHC đã rà soát; đơn vị tính: %.
- Tỷ lệ cắt giảm chi phí thực hiện TTHC/ tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết (ước tính); đơn vị tính: % (Bản tổng hợp kết quả cắt giảm chi phí thực hiện TTHC nội bộ tại Phụ lục III kèm theo).

Nơi nhận:
- TTgCP (để báo cáo);
- Văn phòng Chính phủ;
.....
- Lưu: VT.

BỘ TRƯỞNG/CHỦ TỊCH
(Ký tên, dấu)
Nguyễn Văn A

Phụ lục I
PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
LĨNH VỰC.....
(Ban hành kèm theo Báo cáo số/BC-..... ngày... tháng... năm... của Bộ trưởng Bộ.../Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.....)

- Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:**
- Nội dung đơn giản hóa (nếu rõ cần bãi bỏ/hủy bỏ; sửa đổi, bổ sung; thay thế TTHC, mẫu đơn, tờ khai hay yêu cầu điều kiện để thực hiện TTHC)**
 -
 -

Lý do:

Lý do:
- Kiến nghị thực thi:**
 - Nêu rõ điều, khoản, điểm, văn bản quy phạm pháp luật cần sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ;
 - Lộ trình thực hiện:
- Lợi ích phương án đơn giản hóa**
 - Chi phí thực hiện TTHC trước khi đơn giản hóa: đồng/năm
 - Chi phí thực hiện TTHC sau khi đơn giản hóa: đồng/năm.
 - Chi phí tiết kiệm: đồng/năm.
 - Tỷ lệ cắt giảm chi phí: %.
 -
- Thủ tục hoặc nhóm thủ tục:**



II.6. TRÌNH PHÊ DUYỆT PHƯƠNG ÁN ĐƠN GIẢN HÓA TTHC NỘI BỘ

Phụ lục II
DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ ĐỀ NGHỊ GIỮ NGUYÊN
LĨNH VỰC.....
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số/BC-.... ngày... tháng... năm...
của Bộ trưởng Bộ.../Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.....)*

STT	Tên TTHC	Văn bản quy định TTHC
I	Lĩnh vực A	
1	
2	
n	
II	Lĩnh vực B	
1	
2	
n	

Phụ lục III
BẢN TỔNG HỢP KẾT QUẢ CẮT GIẢM CHI PHÍ THỰC HIỆN
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ
*(Ban hành kèm theo Báo cáo số/BC-.... ngày... tháng... năm...
của Bộ trưởng Bộ.../Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh.....)*

STT	Tên TTHC ¹	Chi phí thực hiện TTHC trước khi ĐGH	Chi phí thực hiện TTHC sau khi ĐGH	Chi phí cắt giảm được	Tỷ lệ cắt giảm chi phí (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)/(3)*100%
1					
2					
...					
n					
Tổng					

¹ Các TTHC nội bộ tại Phụ lục I



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

III. NHIỆM VỤ CỦA BỘ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỜI GIẠN TỚI

1. Nhiệm vụ của bộ, cơ quan ngang bộ

1. Tổ chức rà soát các VB, các công việc triển khai theo chức năng, nhiệm vụ để thống kê, công bố bổ sung danh mục TTHC nội bộ; bảo đảm đầy đủ, đúng phạm vi (Nhóm A, B1: 31/3/2024); nhóm B2, B3 (30/6/2024).

2. Theo chức năng, nhiệm vụ được giao, rà soát, gửi danh mục TTHC nội bộ Nhóm B2 thực hiện tại bộ, cơ quan, địa phương do bộ, cơ quan mình tham mưu ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền (gồm *Danh mục và nội dung cụ thể của từng TTHC nội bộ*) về VPCP, chậm nhất vào ngày 15/4/2024, để VPCP tổng hợp danh mục Bộ TTHC nội bộ thực hiện tại bộ, CQ, ĐP.

3. Rà soát 100% TTHC trên tổng số TTHC thuộc phạm vi quản lý, thẩm quyền giải quyết, đề xuất PA ĐGH bảo đảm mục tiêu cắt giảm, ĐGH ít nhất 20% TTHC và 20% CPTT TTHC, hoàn thành trước 01/11/2024. Cân đối mục tiêu, chỉ tiêu cắt giảm, ĐGH đối với cả TTHC nhóm A và TTHC nhóm B.

4. Thực hiện kiểm soát TTHC nội bộ ngay trong quá trình dự thảo VB cũng như kịp thời sửa đổi, bổ sung TTHC nội bộ trong quá trình xây dựng, ban hành VB của Bộ.



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

III. NHIỆM VỤ CỦA BỘ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỜI GIẠN TỚI

1. Nhiệm vụ của bộ, cơ quan ngang bộ (Một số lưu ý)

1. Phối hợp chặt chẽ với các bộ, CQNB khác và VPCP trong quá trình xác định, công bố danh mục TTHC nội bộ nhóm A, bảo đảm TTHC thuộc phạm vi quản lý của bộ nào thì do bộ đó công bố và chủ trì rà soát.

2. Tham vấn, lấy ý kiến TCT triển khai Kế hoạch rà soát, ĐGH TTHC nội bộ, bộ, ĐP liên quan và VPCP trong quá trình rà soát, để bảo đảm chất lượng của PA ĐGH TTHC nội bộ nhóm A.

3. Phát huy tốt vai trò điều phối, đánh giá, rà soát độc lập của VP bộ, CQNB; vai trò chủ trì rà soát của các vụ, cục, đơn vị tham mưu ban hành TTHC nội bộ, cũng như vai trò phối hợp của các cơ quan, đơn vị là đối tượng thực hiện TTHC nội bộ.



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

III. NHIỆM VỤ CỦA BỘ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỜI GIAN TỚI

2. Nhiệm vụ của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

1. Trên cơ sở danh mục TTHC nội bộ thực hiện tại địa phương do VPCP tổng hợp, gửi (trước 15/6/2024), căn cứ đặc thù và tình hình thực tế tại ĐP để ban hành Quyết định công bố TTHC nội bộ thực hiện tại ĐP; hoàn thành trước ngày 01/7/2024.

2. Tổ chức rà soát 100% TTHC nội bộ đã công bố; phê duyệt và thực thi theo thẩm quyền phương án ĐGH, bảo đảm cắt giảm ít nhất 20% TTHC, 20% chi phí tuân thủ TTHC; hoàn thành trước ngày 01/11/2024.

4. Thực hiện kiểm soát TTHC nội bộ ngay trong quá trình dự thảo VB cũng như kịp thời sửa đổi, bổ sung TTHC nội bộ trong quá trình xây dựng, ban hành VB của tỉnh.

3. Chủ động nghiên cứu, đề xuất PA ĐGH đối với các nội dung, bộ phận tạo thành TTHC nội bộ thuộc thẩm quyền ban hành của QH/CP/TTgCP/bộ quản lý ngành, lĩnh vực, bảo đảm phù hợp, khả thi.



HƯỚNG DẪN

NHẬN DIỆN, CÔNG BỐ, RÀ SOÁT, ĐGH TTHC NỘI BỘ TRONG HỆ THỐNG HCNN GIAI ĐOẠN 2024-2025

III. NHIỆM VỤ CỦA BỘ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG THỜI GIAN TỚI

2. Nhiệm vụ của UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Một số lưu ý)

1. Đúng vai trong công bố, rà soát, thực thi PA ĐGH (nội dung nào thuộc thẩm quyền quy định thì rà soát, ĐGH và nội dung nào thuộc thẩm quyền thực hiện TTHC – đề xuất phương án ĐGH với cơ quan, người có thẩm quyền ban hành TTHC).

2. Phát huy tốt vai trò điều phối, đánh giá, rà soát độc lập của VP UBND; vai trò chủ trì rà soát của các sở, ngành tham mưu ban hành TTHC nội bộ, cũng như vai trò phối hợp của các cơ quan, đơn vị là đối tượng thực hiện TTHC nội bộ.





TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!